



liào tiāo zi

撂挑子

verb/phrase · quit, abandon one's post

Example Sentence

Gōng zuò hái méi zuò wán tā jiù liào tiāo zi bù gàn le
工 作 还 没 做 完 ， 他 就 撂 挑 子 不 干 了 。

He quit before the work was done.

Trace each character, then write the word on your own.

撂	撂	撂	撂	撂	撂	撂	撂	撂	撂	撂
撂	撂	撂	撂	撂	撂					
挑	挑	挑	挑	挑	挑	挑	挑	挑	挑	挑
挑										
子	子	子	子	子	子					